TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-PT
Ngày: 27-9-2017
V/v kiện đòi nợ tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Văn Lang.

2. Ông Lý Thành Lê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2017/DSPT ngày 19 tháng 7 năm 2017 về kiện đòi nợ tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 768/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1961. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường B, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường C, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Vợ chồng chúng tôi đã nhiều lần cho anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T mượn số tiền tổng cộng 470.000.000 đồng, được T hiện trong các giấy mượn tiền, cụ T như sau:

Lần 1: Ngày 13/02/2016 âm lịch (tức ngày 21/03/2016 dương lịch), anh chị mượn 50.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 18/02/2016 âm lịch (tức ngày 26/03/2016 dương lịch), anh chị mượn 50.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 09/03/2016 âm lịch (tức ngày 15/4/2016 dương lịch), anh chị mượn 50.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 10/7/2016 âm lịch (tức ngày 12/8/2016 dương lịch), anh chị mượn 40.000.000 đồng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả tiền và thế chấp 01 chiếc xe máy hiệu SH, biển kiểm soát 82B1-17594. Tuy nhiên, anh chị đã mượn lại chiếc xe.

Lần 5: Ngày 09/11/2016 âm lịch (tức ngày 07/12/2016 dương lịch), anh chị mượn 10.000.000 đồng và hẹn 20 ngày sẽ trả tiền.

Lần 6: Ngày 17/12/2016 âm lịch (tức ngày 14/01/2017 dương lịch), anh chị mượn 100.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả tiền.

Lần 7: Ngày 27/12/2016 âm lịch (tức ngày 24/01/2017 dương lịch), anh chị mượn 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 27/01/2017 sẽ trả tiền và có thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã nhận lại vào ngày 03/02/2017.

Lần 8: Ngày 16/01/2017 âm lịch (tức ngày 12/2/2017 dương lịch), anh chị mượn 60.000.000 đồng và hẹn 30 ngày sẽ trả tiền.

Lần 9: Ngày 20/01/2017 âm lịch (tức ngày 16/02/2017 dương lịch), anh chị mượn 60.000.000 đồng và hẹn 60 ngày sẽ trả tiền.

Lần 10: Ngày 27/01/2017 âm lịch (tức ngày 23/02/2017 dương lịch), anh chị mượn 20.000.000 đồng và hẹn đến ngày 27/02/2017 sẽ trả tiền.

Tổng cộng, vợ chồng anh D, chị T đã vay của vợ chồng chúng tôi 10 lần là 470.000.000 đồng, đã trả 39.000.000 đồng còn lại 431.000.000 đồng. Chúng tôi đã rất nhiều lần yêu cầu anh chị trả số tiền còn lại nhưng không được. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T trả cho vợ chồng tôi số tiền tổng cộng là 431.000.000 đồng.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thanh D trình bày:

Chúng tôi thừa nhận nhiều lần mượn tiền bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A như ông bà trình bày, với số tiền còn lại tổng cộng 431.000.000. Nay do hoàn cảnh khó khăn, chúng tôi sẽ trả dần cho ông bà mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST, ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố KonTum đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "kiện đòi nợ tiền" của bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A, đơn đề ngày 08/03/2017.

Buộc anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T trả cho bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A 431.000.000 đồng *(bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; cũng như quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự trong trường hợp bản án sơ thẩm được thi hành theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, bị đơn – anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST, ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố KonTum với nội dung: vợ chồng anh chị đã nhiều lần trả nợ cho ông A, bà H với tổng số tiền gốc hơn 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*); những lần trả tiền cho ông A, bà H không có viết giấy giao nhận tiền nhưng có ghi âm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của anh chị về việc đã nhiều lần trả nợ cho ông A, bà H và không nhận chứng cứ là các cuộc nói chuyện được ghi âm lại giữa vợ chồng anh chị và vợ chồng ông A, bà H trong các lần trả nợ đó nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh chị. Anh chị sẽ giao nộp các chứng cứ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý để xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của đồng bị đơn anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của TAND thành phố Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đồng nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T thay đổi phần kháng cáo với nội dung: Anh chị thừa nhận còn nợ đồng nguyên đơn số tiền 431.000.000 đồng và xin trả dần; các nội dung khác người kháng cáo vẫn giữ nguyên. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bị đơn – anh

Nguyễn Thanh D, chị Nguyễn Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vợ chồng bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Hữu A với vợ chồng anh Nguyễn Thanh D, chị Nguyễn Thị T có quan hệ mượn tiền với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 13/02/2016 âm lịch (ngày 21/ 03/2016 dương lịch) đến ngày 27/01/2017 âm lịch (ngày 23/02/2017 dương lịch) đã mượn tiền của bà H và ông A tổng cộng là 470.000.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi triệu đồng*). Theo nguyên đơn thì trong quá trình mượn tiền anh D và chị T đã trả được 39.000.000 đồng (*ba mươi chín triệu đồng*). Như vậy, anh D và chị T còn nợ bà H, ông A số tiền là 431.000.000 đồng *(bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng)*. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T có ý kiến xin trả dần số tiền nói trên mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, đồng nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu anh chị trả tiền một lần. Do đó, cấp sơ thẩm xử buộc anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A số tiền 431.000.000 đồng *(bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng)* là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại hồ sơ vụ án T hiện, trong quá trình giải quyết vụ án: Đồng bị đơn - anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên tòa (ngày 05/6/2017 và ngày 15/6/2017) không có lý do; ngoài ra, tại các bản tự khai của anh D, chị T không nêu ra ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, anh D và chị T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của anh chị về việc đã nhiều lần trả nợ cho ông A, bà H và không nhận chứng cứ do anh chị cung cấp để giải quyết vụ án là không có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, trước khi mở phiên tòa ngày 29/8/2017, anh Nguyễn Thanh D cung cấp thêm 01 chứng cứ mới là 01 USB nhưng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh xuất xứ hình thành chứng cứ này do đâu mà có. Do đó, HĐXX quyết định tạm ngừng phiên tòa và đề nghị anh Nguyễn Thanh D phải cung cấp chứng cứ chứng minh xuất xứ hình thành của 01 USB mà anh đã giao nộp ngày 28/8/2017 cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Đến ngày 27/9/2017, HĐXX tiếp tục phiên tòa nhưng anh Nguyễn Thanh D không cung cấp chứng cứ chứng minh xuất xứ hình thành của 01 USB trên. Mặc dù, anh Nguyễn Thanh D không cung cấp được chứng cứ chứng minh xuất xứ hình thành của USB này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX vẫn mở công khai nội dung được anh D ghi âm trong USB cho các đương sự nghe. Sau khi nghe nội

dung ghi âm từ USB thì nguyên đơn Trần Thị Kim H không thừa nhận giọng nói của chị trong USB và chị không thừa nhận toàn bộ nội dung trong USB do anh Nguyễn Thanh D ghi âm cung cấp cho HĐXX.

[4] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của đồng bị đơn - Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn - anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Điều 274, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn - anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 15/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "kiện đòi nợ tiền" của bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A, đơn đề ngày 08/03/2017.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T trả cho bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A 431.000.000 đồng *(bốn trăm ba mươi mốt triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bà Trần Thị Kim H, ông Nguyễn Hữu A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Thanh D, chị Nguyễn Thị T không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì anh chị còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 144, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T phải chịu 21.240.000 đồng *(hai mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Hữu A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H và ông A 12.600.000 đồng *(mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008083 ngày 10/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0000617 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Anh Nguyễn Thanh D và chị Nguyễn Thị T phải nộp tiếp án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) trên người.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/9/2017).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**